TỔNG QUAN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ AT-VSLĐ

YÊU CẦU TRONG LỚP HỌC









I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN

1. Khái niệm chung:

Pháp luật về an toàn lao động và vệ sinh lao động bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo đúng thủ tục, trình tự luật định, trong đó có các quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, nhằm điều chỉnh các quan hệ, các hành vi trong lĩnh vực an toàn lao động, vệ sinh lao động và được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN

Pháp luật ATLĐ, VSLĐ mang đầy đủ thuộc tính của luật pháp và văn bản quy phạm pháp luật chung:

Thứ nhất là các văn bản này do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành để thi hành Bộ luật Lao động, Luật An toàn, vệ sinh lao động theo đúng thủ tục, trình tự luật định nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của người sử dụng lao động và người lao động.

Thứ hai là nội dung của các văn bản về ATLĐ, VSLĐ bao gồm các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung đối với các chủ thể.

Thứ ba là các văn bản và các quy tắc xử sự thuộc lĩnh vực ATLĐ,VSLĐ được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng các chế tài.


Hiến Pháp
Bộ luật, Luật,
Pháp lệnh, Nghị
quyết
Nghị định của Chính phủ
Quyết định của Thủ tướng
Thông tư liên tịch, Thông tư
Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, Quy trình
Quyết định của UBND,
Nghị quyết của HĐND

Quốc hội

- Luật An toàn, vệ sinh lao động
- Bộ luật Lao động 2012
- Các luật liên quan: luật Điện lực, luật Hóa chất, luật Bảo vệ môi trường…

Chính phủ

- Nghị định 37, 39, 44 năm 2016, 140 năm 2018
- Nghị định 45/2013/NĐ-CP
- Nghị định 28/2020/NĐ-CP

Bộ, ngành

- Thông tư của Bộ LĐ-TBXH: 07, 08,13, 15, 53/2016; 31;
- Thông tư của Bộ Y tế: 15, 19, 21-30/2016;
- Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, Quy trình AT-VSLĐ

Tổng quan Luật AT-VSLĐ

Luật có 7 chương, với 93 điều.

Chương I:	Chương II:	Chương III:	Chương IV:	Chương V:	Chương VI:	Chương VII:
Các quy định chung	Các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại cho NLĐ	Các biện pháp xử lý sự cố kỹ thuật gây mất AT - VSLĐ	Bảo đảm AT-VSLĐ đối với một số lao động đặc thù	Bảo đảm AT-VSLĐ đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	Quản lý nhà nước về AT - VSLĐ	Điều khoản thi hành

Chương I : Những quy định chung

Gồm 12 Điều, từ Điều 1 đến Điều 12, quy định những vấn đề sau:

- Phạm vi, đối tượng áp dụng
- Chính sách của Nhà nước về ATVSLĐ
- Nguyên tắc bảo đảm ATVSLĐ
- Quyền và nghĩa vụ về ATVSLĐ của NSDLĐ, NLĐ
- Quyền, trách nhiệm của tổ chức CĐ, Hội nông dân VN, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác về ATVSLĐ
- Các hành vi bị nghiêm cấm trong ATVSLĐ

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động

NLĐ làm việc theo hợp đồng có 6 quyền sau :

Được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, AT-VSLĐ; yêu cầu NSDLĐ có trách nhiệm bảo đảm điều kiện làm việc AT-VSLĐ trong quá trình lao động, tại nơi làm việc;



Được cung cấp thông tin đầy đủ về các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc và những biện pháp phòng, chống; được đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động;

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động

NLĐ làm việc theo hợp đồng có 6 quyền sau :

Được thực hiện các chế độ BHLĐ, chăm sóc SK… được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động



Yêu cầu người sử dụng lao động bố trí công việc phù hợp sau khi điều trị ổn định do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động

NLĐ làm việc theo hợp đồng có 6 quyền sau :



Điều 6. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động

NLĐ làm việc theo hợp đồng có 3 nghĩa vụ sau :

Chấp hành nội quy, quy trình và biện pháp bảo đảm an toàn



Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố gây mất AT-VSLĐ

Sử dụng và bảo quản các PTBVCN ; TB đảm bảo AT-VSLĐ

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ về AT-VSLĐ của NSDLĐ

NSDLĐ có 4 quyền sau đây:

Yêu cầu NLĐ phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ

Khen thưởng NLĐ chấp hành tốt và kỷ luật NLĐ vi phạm trong việc thực hiện ATVSLĐ



Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật

Huy động NLĐ tham gia ứng cứu khẩn cấp, khắc phục sự cố, TNLĐ

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ về AT-VSLĐ của NSDLĐ

NSDLĐ có 7 nghĩa vụ sau đây:

Xây dựng, tổ chức thực hiện và phối hợp với cơ quan tổ chức trong việc đảm bảo ATVSLĐ

Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các nội quy, quy trình…cho NLĐ

Không được buộc NLĐ làm công việc có nguy cơ xảy ra TNLĐ



Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ

Bố trí bộ phận hoặc người làm công tác ATVSLĐ

Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo TNLĐ

Lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở khi xây dựng KH, QT, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ.

CHƯƠNG II
CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM, YẾU TỐ CÓ HẠI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHƯƠNG II
CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM, YẾU TỐ CÓ HẠI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Gồm 4 mục, quy định những vấn đề sau:

- Thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện AT-VSLĐ
- Nội quy, quy trình và các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc
- Chế độ BHLĐ, chăm sóc sức khỏe NLĐ
- Quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ

Điều 13: Thông tin, tuyên truyền, giáo dục ATVSLĐ

1

- Người sử dụng lao động phải thông tin, tuyên truyền, giáo dục về an toàn, vệ sinh lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động; hướng dẫn quy định về an toàn, vệ sinh lao động cho người đến thăm, làm việc tại cơ sở của mình.

2

- Nhà sản xuất phải cung cấp thông tin về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động kèm theo sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn cho người sử dụng trong quá trình lao động

Điều 14: Huấn luyện AT-VSLĐ

1

- Người quản lý phụ trách AT-VSLĐ, người làm công tác AT-VSLĐ, người làm công tác y tế, AT-VSV trong cơ sở sản xuất, kinh doanh phải tham dự khóa huấn luyện AT-VSLĐ và được Tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cấp giấy chứng nhận sau khi kiểm tra, sát hạch đạt yêu cầu.

2

- NSDLĐ tổ chức huấn luyện cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ và cấp thẻ an toàn trước khi bố trí làm công việc này.

Điều 14: Huấn luyện AT-VSLĐ

4

- NSDLĐ tự tổ chức huấn luyện và chịu trách nhiệm về chất lượng huấn luyện về AT-VSLĐ cho người lao động không thuộc đối tượng quy định trên, người học nghề, tập nghề, người thử việc trước khi tuyển dụng hoặc bố trí làm việc và định kỳ huấn luyện lại nhằm trang bị đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết về bảo đảm AT-VSLĐ trong quá trình lao động, phù hợp với vị trí công việc được giao.

5

- Việc huấn luyện về AT-VSLĐ phải phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng ngành nghề, vị trí công việc, quy mô lao động và không gây khó khăn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; có thể huấn luyện riêng về AT-VSLĐ hoặc kết hợp với huấn luyện về phòng cháy, chữa cháy hoặc nội dung huấn luyện khác được pháp luật chuyên ngành quy định.

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Đối tượng huấn luyện

1. Nhóm 1: Người đứng đầu đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; phụ trách bộ phận sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật; quản đốc phân xưởng hoặc tương đương; cấp phó được giao nhiệm vụ phụ trách công tác AT-VSLĐ.
2. Nhóm 2: Người làm công tác AT-VSLĐ bao gồm: Chuyên trách, bán chuyên trách về AT-VSLĐ của cơ sở; người trực tiếp giám sát về AT-VSLĐ tại nơi làm việc.
3. Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ.
4. Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm 1, 3, 5, 6 quy định tại khoản này, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.
5. Nhóm 5: Người làm công tác y tế.
6. Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Thời gian huấn luyện

1. Nhóm 1, nhóm 4: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra;
2. Nhóm 2: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 48 giờ, bao gồm cả thời gian huấn luyện lý thuyết, thực hành và kiểm tra;
3.Nhóm 3: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 24 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra;
4. Nhóm 5: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra
5. Nhóm 6: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 4 giờ ngoài nội dung đã được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

Cấp thẻ an toàn

Người sử dụng lao động cấp thẻ an toàn cho người được huấn luyện thuộc nhóm 3 sau khi kiểm tra, sát hạch đạt yêu cầu. Tổ chức huấn luyện cấp thẻ an toàn cho người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

CHƯƠNG II
CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM, YẾU TỐ CÓ HẠI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Gồm 4 mục, quy định những vấn đề sau:

- Thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện AT-VSLĐ
- Nội quy, quy trình và các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc
- Chế độ BHLĐ, chăm sóc sức khỏe NLĐ
- Quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ

Điều 15. Nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động

Người sử dụng lao động căn cứ pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn, vệ sinh lao động và điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, lao động để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương II, Điều 16: Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc

1. Bảo đảm nơi làm việc phải đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại khác

2. Bảo đảm máy, thiết bị, vật tư, chất được sử dụng, vận hành, bảo trì, bảo quản tại nơi làm việc theo quy chuẩn kỹ thuật về ATVSLĐ…

3. Trang cấp đầy đủ cho NLĐ các PTBVCN khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại…

4. Hằng năm hoặc khi cần thiết, tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật …

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương II, Điều 16: Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc

5 • Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, vật tư, chất, nhà xưởng, kho tàng

6 • Phải có biển cảnh báo, bảng chỉ dẫn

7 • Tuyên truyền, phổ biến hoặc huấn luyện

8 • Xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương II, Điều 18. Kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc

1. • Người sử dụng lao động phải tổ chức đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại

2. • Đối với yếu tố có hại được quy định giới hạn tiếp xúc, người sử dụng lao động phải tổ chức quan trắc môi trường lao động để đánh giá ít nhất một lần trong một năm

3. • Đối với yếu tố nguy hiểm thì người sử dụng lao động phải thường xuyên kiểm soát, quản lý đúng yêu cầu kỹ thuật

4. • Ngay sau khi có kết quả quan trắc môi trường lao động: Thông báo công khai; Cung cấp thông tin; Có biện pháp khắc phục, kiểm soát

KIỂM SOÁT YẾU TỐ NGUY HIỂM, YẾU TỐ CÓ HẠI

NĐ 39

Hồ sơ vệ sinh môi trường lao động

1. Phân tích đặc điểm ĐKLĐ, quy trình làm việc, kết quả kiểm tra môi làm việc

2. Khảo sát người lao động

3. Trường hợp không nhận diện, đánh giá được đầy đủ, chính xác bằng camera

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương II, Điều 19. Biện pháp xử lý sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ động nghiêm trọng và ứng cứu khẩn cấp

1. • Người sử dụng lao động phải có phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp và định kỳ tổ chức diễn tập
2. • Người SDLĐ phải ra lệnh ngừng ngay hoạt động của máy, thiết bị, việc sử dụng vật tư, chất, hoạt động LĐ tại nơi làm việc có nguy cơ gây TNLĐ, sự cố KT gây mất ATVSLĐ nghiêm trọng
3. • Huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực và phương tiện để kịp thời ứng phó sự cố theo quy định của pháp luật chuyên ngành
4. • Ứng phó và báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp theo quy định của pháp luật chuyên ngành

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương II, Điều 20: Cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động

1
- Người sử dụng lao động phải thường xuyên phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

2
- Khuyến khích người sử dụng lao động áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm cải thiện điều kiện lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động.

3
- Văn hóa an toàn lao động:

Chương II, Điều 19. Biện pháp xử lý sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ động nghiêm trọng và ứng cứu khẩn cấp

5

- Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương thì phải khẩn cấp báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp

6

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương được yêu cầu huy động phải thực hiện và phối hợp thực hiện biện pháp ứng cứu khẩn cấp trong phạm vi, khả năng

CHƯƠNG II
CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM, YẾU TỐ CÓ HẠI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Gồm 4 mục, quy định những vấn đề sau:

- Thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện AT-VSLĐ
- Nội quy, quy trình và các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc
- Chế độ BHLĐ, chăm sóc sức khỏe NLĐ
- Quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương II, Mục 3: Chế độ bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động

+ Quy định về nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm,

+ Giới hạn thời gian tiếp xúc với các yếu tố nguy hiểm, có hại;

+ Điều dưỡng sức khỏe và việc quản lý sức khỏe người lao động.

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương II, Điều 21. Khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp cho người lao động

1. Hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất một lần

2. Đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.

3. Người sử dụng lao động tổ chức khám sức khỏe cho người lao động trước khi bố trí làm việc và trước khi chuyển sang làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hơn hoặc sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

4. Chi phí cho hoạt động khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, điều trị bệnh nghề nghiệp cho người lao động do người sử dụng lao động chi trả

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương II, Điều 22,23, 24, 25, 26

Điều 22

- Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động và chăm sóc sức khỏe đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

Điều 23

- Người sử dụng lao động khi thực hiện trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân: Đúng chủng loại, đúng đối tượng, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Không phát tiền thay; Hướng dẫn, giám sát người lao động; khử độc, khử trùng, tẩy xạ

Điều 24

- Người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động bồi dưỡng bằng hiện vật: Thực hiện trong ca, ngày làm việc, trừ trường hợp đặc biệt do tổ chức lao động không thể tổ chức bồi dưỡng tập trung tại chỗ

Điều 25

- Bảo đảm thời gian tiếp xúc với yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại của người lao động nằm trong giới hạn an toàn được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương II, Điều 26, 27

Điều 26

- Khuyến khích người sử dụng lao động tổ chức cho người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và người lao động có sức khỏe kém được điều dưỡng phục hồi sức khỏe

Điều 27

- Người sử dụng lao động phải căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại nghề, công việc và kết quả khám sức khỏe để sắp xếp công việc phù hợp cho người lao động.

Điều 27

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ sức khỏe của người lao động, hồ sơ sức khỏe của người bị bệnh nghề nghiệp; thông báo kết quả khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp để người lao động biết;

Điều 27

- Hằng năm, báo cáo về việc quản lý sức khỏe người lao động thuộc trách nhiệm quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước về y tế có thẩm quyền.

CHƯƠNG II
CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM, YẾU TỐ CÓ HẠI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Gồm 4 mục, quy định những vấn đề sau:

- Thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện AT-VSLĐ
- Nội quy, quy trình và các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc
- Chế độ BHLĐ, chăm sóc sức khỏe NLĐ
- Quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương II, Mục 4: Quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

+ Quy định về Danh mục máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

+ Phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;

+ Kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương III: Các biện pháp xử lý sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ và TNLĐ, BNN.
gồm 29 Điều từ Điều 34 đến Điều 62 quy định các nội dung:

- Quy định khai báo, thống kê, báo cáo, điều tra sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ, TNLĐ, BNN;

- Trách nhiệm của NSDLĐ đối với NLĐ bị TNLĐ, BNN;

- Chế độ bảo hiểm tai TNLĐ, BNN.

NĐ 39

KHAI BÁO, THỐNG KÊ, BÁO CÁO, ĐIỀU TRA SỰ CỐ KỸ THUẬT GÂY MẤT ATVSLĐ, TNLĐ, BNN

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương III, Mục 3: Chế độ bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Đưa toàn bộ nội dung Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (phần chế độ, chính sách) từ Luật bảo hiểm xã hội sang Luật này
- Việc thu, chi và quản lý quỹ vẫn do cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện.
- Quy định cụ thể về nguyên tắc, đối tượng tham gia, mức đóng quỹ; các chế độ cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; không tăng thêm mức đóng từ phía người sử dụng lao động; đồng thời,
- Bổ sung thêm các nội dung chi hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; một phần khoản chi phí cho người bị tai nạn lao động thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động trong một số trường hợp đặc biệt...).

Nội dung chính sách Bảo hiểm TNLĐ, BNN của Luật ATVSLĐ và Nghị định số 37/2016/NĐ-CP

1. Mức đóng tối đa 1% tổng quỹ lương, lương cơ sở của người sử dụng lao động
2. Chế độ bảo hiểm TNLĐ, BNN đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động
3. Chế độ cho người lao động phát hiện bị BNN khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị BNN.
4. Hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp sau khi bị TNLĐ, BNN
5. Hỗ trợ khám bệnh nghề nghiệp
6. Hỗ trợ điều trị bệnh nghề nghiệp
7. Hỗ trợ phục hồi chức năng cho người lao động
8. Hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động
9. Hỗ trợ điều tra TNLĐ, BNN theo yêu cầu của BHXH

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương III, Mục 1: Khai báo, thống kê, báo cáo, điều tra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

+ Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp,

+ Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động

+ Khai báo, thống kê, báo cáo và điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương III, Mục 1, Điều 34: Khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động

- Khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc thì người bị tai nạn hoặc người biết sự việc phải báo ngay cho người phụ trách trực tiếp, người sử dụng lao động biết để kịp thời có biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả xảy ra



Chương IV. Bảo đảm ATVSLĐ đối với một số LĐ đặc thù.

gồm 08 Điều từ Điều 63 đến Điều 70 quy định các nội dung:

- ATVSLĐ đối với LĐ nữ, chưa thành niên, người khuyết tật;
- Điều kiện sử dụng NLĐ cao tuổi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
- ATVSLĐ trong trường hợp cho thuê lại LĐ;
- ATVSLĐ tại nơi có nhiều NLĐ thuộc nhiều NSDLĐ cùng làm việc;
- ATVSLĐ đối với NLĐ VN đi làm việc ở nước ngoài;
- ATVSLĐ đối với LĐ giúp việc gia đình; ATVSLĐ đối với NLĐ nhận công việc về làm tại nhà; ATVSLĐ đối với học sinh, sinh viên, người học nghề, tập nghề, thử việc.

Chương V. Bảo đảm ATVSLĐ đối với cơ sở SXKD

gồm 11 Điều từ Điều 71 đến Điều 81 quy định các nội dung:

- Thực hiện công tác ATVSLĐ trong các cơ sở SXKD;
- Bộ phận ATVSLĐ;
- Bộ phận y tế;
- An toàn, vệ sinh viên;
- Hội đồng ATVSLĐ cơ sở;
- Kế hoạch ATVSLĐ;
- Đánh giá nguy cơ, rủi ro về ATVSLĐ; kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; tổ chức lực lượng ứng cứu; tự kiểm tra ATVSLĐ; thống kê, báo cáo về ATVSLĐ.

Chương VI. Quản lý nhà nước về ATVSLĐ

Gồm 10 Điều từ Điều 82 đến điều 91 quy định các nội dung:

- Trách nhiệm QLNN ATVSLĐ; trách nhiệm QLNN ATVSLĐ của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế, UBND các cấp;

- Trách nhiệm xây dựng, công bố các tiêu chuẩn quốc gia về ATVSLĐ và xây dựng, ban hành các QCKTQG ATVSLĐ;

- Hội đồng quốc gia về ATVSLĐ, Hội đồng ATVSLĐ cấp tỉnh;

- Thanh tra ATVSLĐ; Xử lý vi phạm pháp luật về ATVSLĐ; cơ chế phối hợp về ATVSLĐ.

Chương VI. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 83. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thống nhất thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

Bố cục và nội dung chính của Luật ATVSLĐ

Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều 92 và Điều 93 quy định:

- Hiệu lực thi hành;

- Quy định chi tiết.

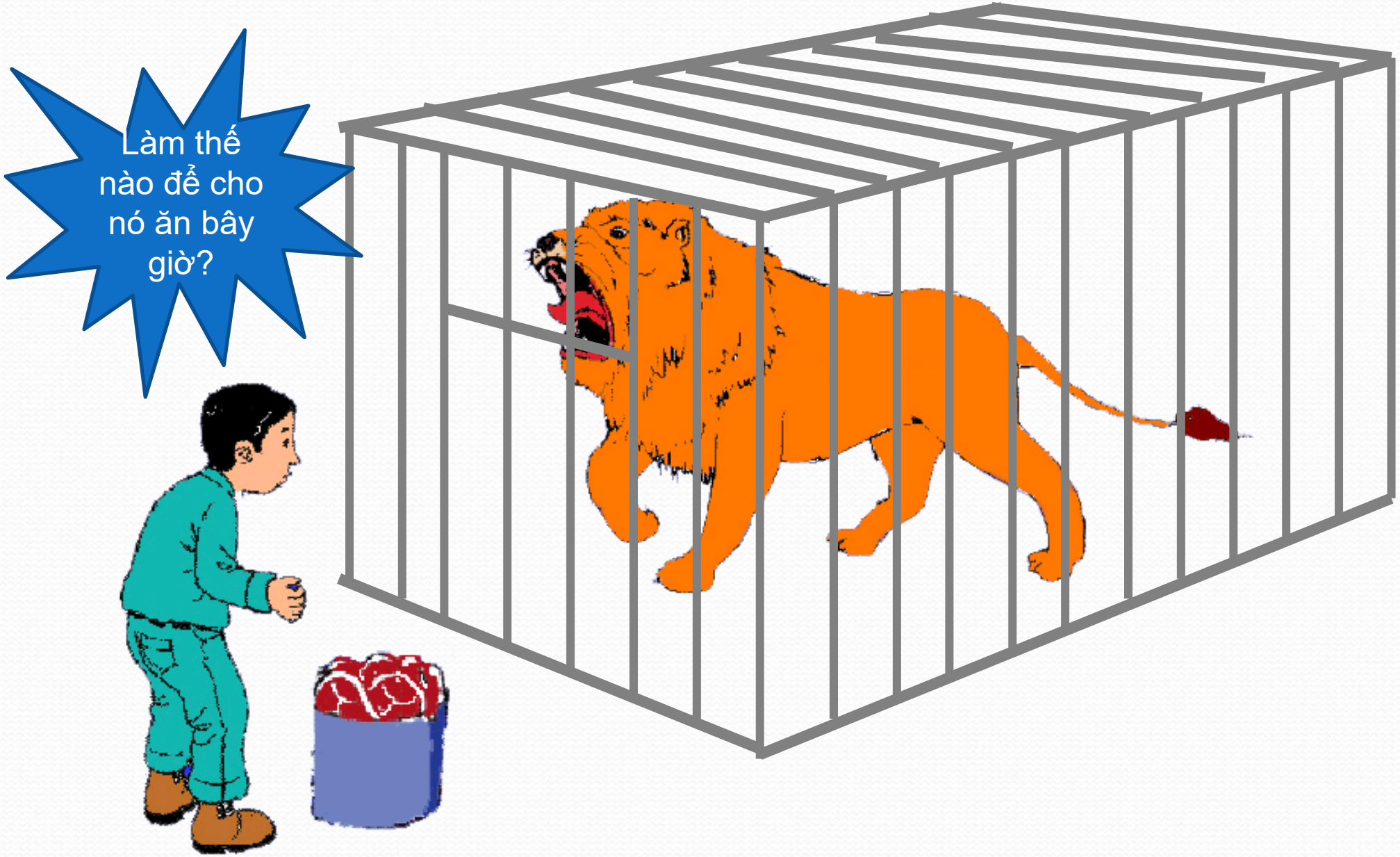
Làm thế nào để cho nó ăn bây giờ?

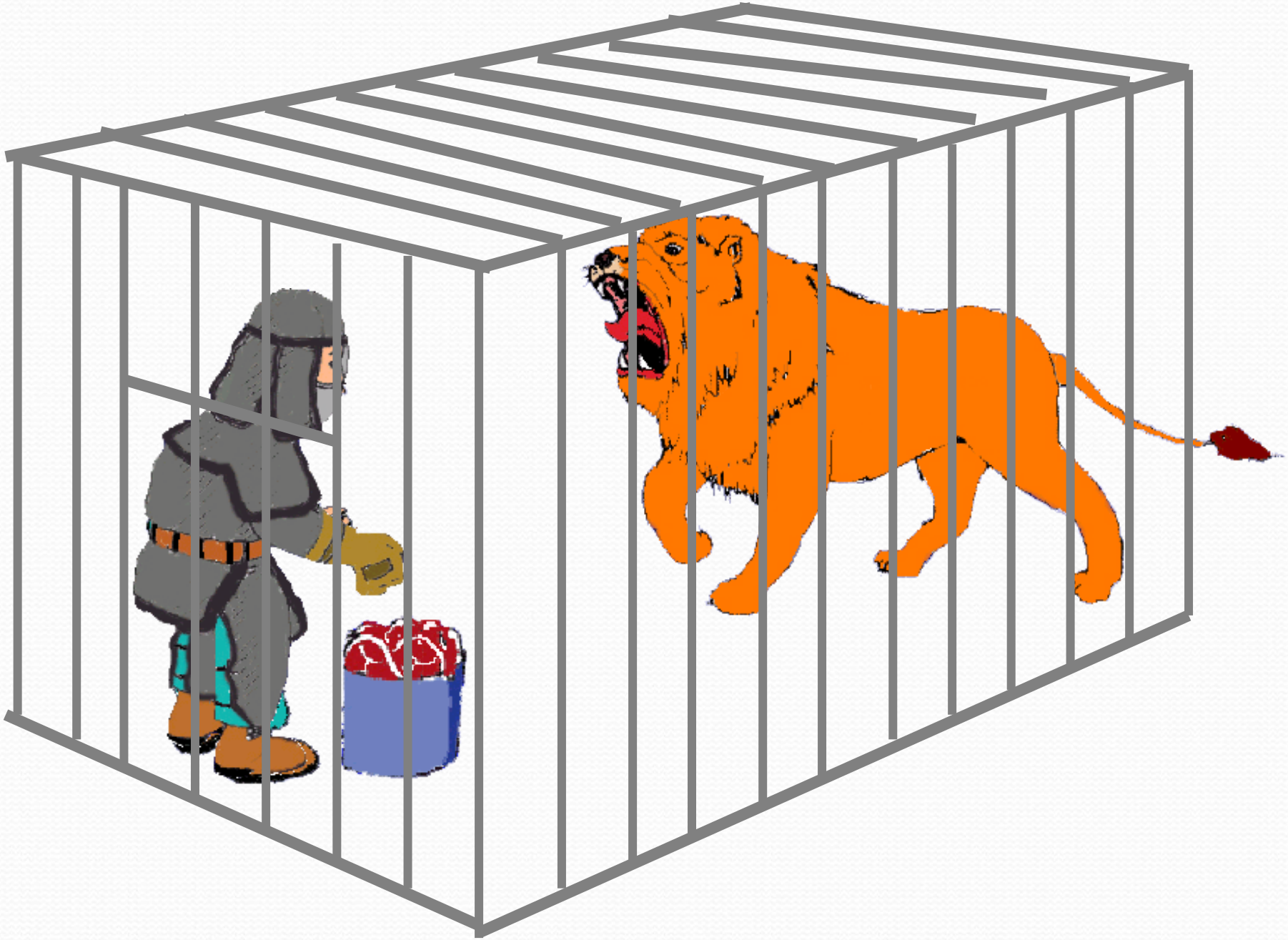

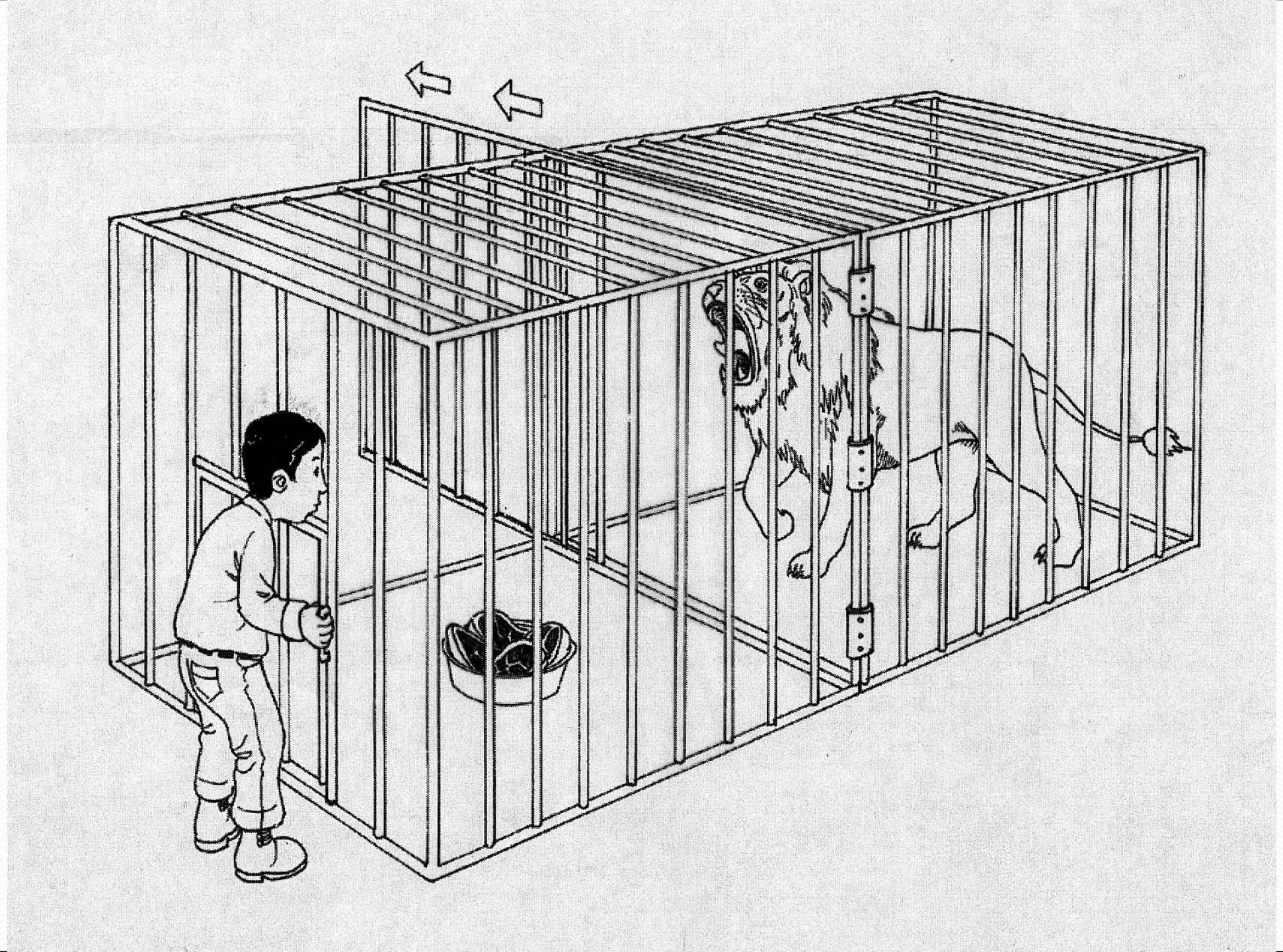

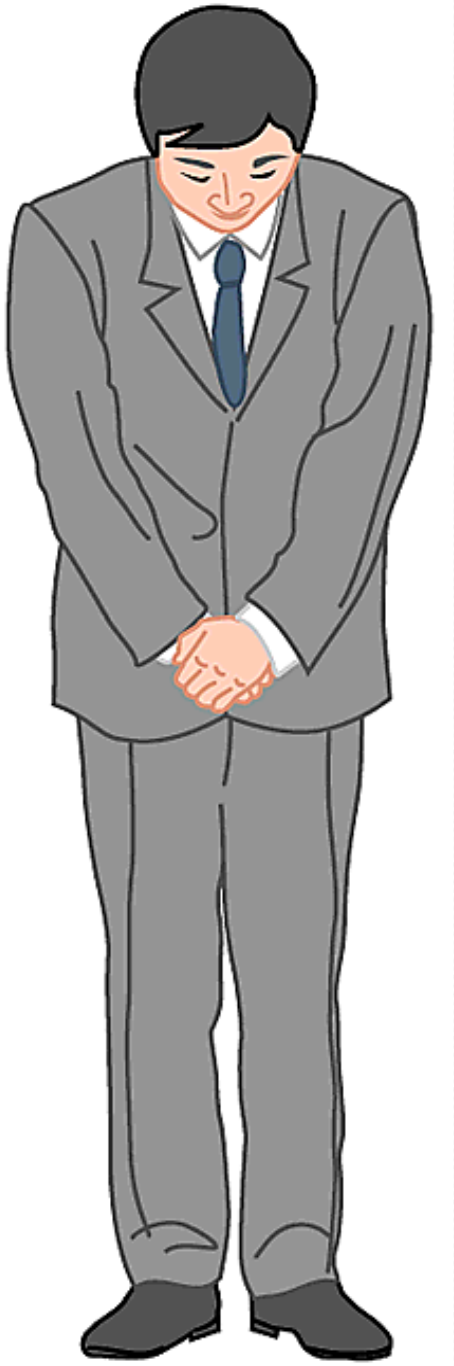

An toàn là hạnh phúc!

Chúc các bạn ngày càng phát triển.

Xin cảm ơn!